

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng  
và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dịch vụ tư vấn  
Dự án: Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư  
và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân,  
xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước**

**CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu; Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16/12/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu, lộ trình áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng và quản lý, sử dụng giá trị bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng không được hoàn trả;*

*Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư và sửa đổi, bổ sung chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công nhóm B của tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của Chủ tịch*

*UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, huyện Tuy Phước;*

*Căn cứ Quyết định số 3574/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020 và năm 2020;*

*Theo đề nghị của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 459/TTr-BQL ngày 08/12/2020; ý kiến thẩm định của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 2854/SNN-QLXDCT ngày 07/12/2020 và đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 887/BC-SKHĐT ngày 09/12/2020.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng với những nội dung chủ yếu như sau:

**1. Tên dự án:** Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước.

**2. Nhóm dự án:** Nhóm B.

**3. Loại và cấp công trình:** Công trình Nông nghiệp và PTNT, cấp IV.

**4. Chủ đầu tư:** Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định.

**5. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập dự án:** Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung.

**6. Chủ nhiệm lập dự án:** Thạc sĩ Đỗ Cảnh Hào.

**7. Mục tiêu đầu tư xây dựng:**

Mục tiêu bồi thường, giải phóng mặt bằng, xây dựng kè bảo vệ, từng bước thực hiện Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước theo quy hoạch, nhằm khai thác tiềm năng, lợi thế trục giao thông Quốc lộ 19 mới hình thành, không gian cảnh quan và khí hậu khu vực sông nước ven đầm Thị Nại, mở rộng thành phố về phía Bắc, phục vụ phát triển du lịch, phát triển kinh tế xã hội.

**8. Nội dung, quy mô đầu tư xây dựng:**

- Xây dựng tuyến kè dài 2.404m để bảo vệ cho khu tái định cư, khu dân cư và các hạ tầng thiết yếu thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước.

- Nạo vét thông thoáng dòng chảy của sông quanh khu vực xây dựng kè để tăng khả năng thoát lũ, kết hợp san lấp mặt bằng bên trong kè thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước.

- Bồi thường, giải phóng mặt bằng khoảng 48,60ha.

## 9. Phương án thiết kế cơ sở:

### a) Tuyến kè:

- Tần suất mực nước, lưu lượng thiết kế:  $P = 10\%$ .
- Tim tuyến: Theo tuyến kè quy hoạch đã được phê duyệt.
- Chiều dài tuyến: 2.404m.
- Cao độ đỉnh kè: +1.80m.
- Cao độ chân kè: 0.00m.
- Chiều rộng mặt kè: 5m (kết hợp đường giao thông quản lý vận hành).
- Hệ số mái kè phía sông  $m = 2,50$ .
- Hệ số mái kè phía trong bờ  $m = 1,50$ .
- Kết cấu kè: Hình thức kè mái nghiêng. Thân kè đắp đất cấp phối đòi đầm chặt K95. Mặt kè đổ bê tông xi măng M250 dày 18cm. Gia cố mái kè phía sông bằng tấm bê tông đúc sẵn M250, kích thước (45x45x12)cm, dầm 2x4 dày 10cm và 1 lớp vải địa kỹ thuật trong khung giằng bê tông cốt thép M300. Gia cố chân kè bằng dầm BTCT M300 trên lãng trụ đá học. Phía trong kè phạm vi cây xanh cách ly, sử dụng khối lượng nạo vét lòng sông kết hợp san lấp mặt bằng, lớp mặt dày 0,5m đắp đất cấp phối đòi, độ chặt K90.

- Công trình trên tuyến: Xây dựng 04 cống thoát nước  $\varnothing 1.200\text{mm}$  và 05 cống  $\varnothing 600\text{mm}$ ; xây dựng 13 bậc cấp xuống sông.

b) *Nạo vét lòng sông đoạn trước kè:* Nạo vét thông thoáng dòng chảy của sông quanh khu vực xây dựng kè, khối lượng nạo vét kết hợp san lấp mặt bằng phía trong kè.

- Tổng diện tích nạo vét sông 18,63ha (trong đó, đáy sông 10,79 ha và hành lang thoát lũ 7,84ha).

- Cao trình đáy sông nạo vét: Từ -1.50m đến -2.40m.
- Cao trình đáy hành lang nạo vét: -1.00m.
- Chiều rộng đáy sông nạo vét: Từ 24m đến đến 60m.
- Chiều rộng đáy hành lang nạo vét: Từ 15,8m đến 111m.
- Hệ số mái thêm nạo vét:  $m = 9$ .
- Phạm vi, giới hạn nạo vét sông: Thực hiện theo Phụ lục số 01 đính kèm Quyết định này.

### c) *Bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng:*

Diện tích khoảng 48,60ha, trong phạm vi thực hiện khu tái định cư, khu dân cư, vị trí xây dựng kè, hành lang thoát lũ và các hạ tầng khác thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước. Tổng số 04 tổ chức và 280 hộ bị ảnh hưởng (trong đó 227 hộ bị ảnh hưởng nhà ở phải tái định cư).

**10. Địa điểm xây dựng:** Xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

**11. Diện tích sử dụng đất:** Tổng diện tích sử dụng đất 32,70ha (trong đó, diện tích xây dựng kè 3,06ha, diện tích san lấp mặt bằng phía trong kè 11,01ha và diện tích nạo vét lòng sông trước kè 18,63ha).

**12. Số bước thiết kế:** Thiết kế 2 bước (Thiết kế cơ sở và Thiết kế BVTC).

**13. Phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng:** Được lập và phê duyệt theo các quy định hiện hành về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

**14. Tổng mức đầu tư: 573.031.000.000 đồng** (Bằng chữ: Năm trăm bảy mươi ba tỷ, không trăm ba mươi một triệu đồng).

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, GPMB:	459.508.095.000 đồng;
- Chi phí xây dựng:	47.344.081.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	1.041.570.000 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	2.796.040.000 đồng;
- Chi phí khác:	5.546.917.000 đồng;
- Chi phí dự phòng:	56.794.297.000 đồng.

**15. Nguồn vốn đầu tư:** Vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2016 – 2020 và giai đoạn 2021 – 2025 (Sử dụng vốn ngân sách tỉnh từ nguồn khai thác quỹ đất của Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân và các Khu đô thị, Khu dân cư trên địa bàn tỉnh).

**16. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

**17. Thời gian thực hiện:** Năm 2020 - 2023.

**18. Phương thức thực hiện dự án:** Theo Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các quy định hiện hành của Nhà nước.

**19. Các nội dung khác:**

- Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung đã được Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định nêu tại Văn bản số 2854/SNN-QLXDCT ngày 07/12/2020.

- Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện việc Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi khởi công và báo cáo định kỳ dự án theo quy định tại Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT ngày 18/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

**Điều 2.** Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dịch vụ tư vấn, dự án Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, với nội dung

chi tiết theo phụ lục số 02 đính kèm Quyết định này.

**Điều 3.** Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này theo đúng quy định của Nhà nước.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K10 (14b).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Thanh**

**PHỤ LỤC SỐ 01**  
**PHẠM VI GIỚI HẠN NẠO VẾT SÔNG**

**Dự án: Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư  
và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân,  
xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020  
của Chủ tịch UBND tỉnh)*

Tên điểm	Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup> , kinh tuyến trục 108 <sup>0</sup> 15'		Cao độ đáy nạo vét (m)
	X(m)	Y(m)	
1	603.936,170	1.529.149,930	-2,40
2	603.955,550	1.529.114,940	-2,40
3	603.958,610	1.529.109,430	-1,00
4	604.011,940	1.529.082,420	-1,00
5	603.971,560	1.528.999,980	-1,00
6	603.857,270	1.528.961,900	-1,00
7	603.550,890	1.528.868,980	-1,00
8	603.276,850	1.528.779,040	-2,40
9	603.337,110	1.528.767,050	-2,40
10	603.342,310	1.528.762,740	-1,00
11	603.367,070	1.528.740,600	-1,00
12	603.230,920	1.528.642,350	-2,40
13	603.285,560	1.528.613,640	-2,40
14	603.291,240	1.528.610,650	-1,00
15	603.340,920	1.528.607,960	-1,00
16	603.269,730	1.528.522,550	-1,00
17	603.320,390	1.528.440,680	-1,00
18	603.323,030	1.528.363,920	-1,00
19	603.275,590	1.528.278,590	-1,00
20	603.314,740	1.528.183,970	-2,40
21	603.328,340	1.528.242,410	-2,40
22	603.329,770	1.528.248,540	-1,00
23	603.369,820	1.528.266,880	-1,00

Tên điểm	Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup> , kinh tuyến trục 108 <sup>0</sup> 15'		Cao độ đáy nạo vét (m)
	X(m)	Y(m)	
24	603.483,310	1.528.144,750	-2,40
25	603.492,250	1.528.204,280	-2,40
26	603.493,190	1.528.210,530	-1,00
27	603.525,030	1.528.224,550	-1,00
28	603.657,820	1.528.132,560	-2,40
29	603.657,320	1.528.192,740	-2,40
30	603.657,270	1.528.199,060	-1,00
31	603.656,050	1.528.216,220	-1,00
32	603.952,280	1.528.158,080	-2,40
33	603.925,040	1.528.215,950	-2,40
34	603.922,350	1.528.222,030	-1,00
35	603.829,120	1.528.233,450	-1,00
36	604.127,810	1.528.351,370	-1,50
37	604.083,570	1.528.362,810	-1,50
38	604.064,830	1.528.396,120	-1,50
39	604.060,160	1.528.480,940	-1,50
40	604.021,350	1.528.474,370	-1,50
41	604.114,400	1.528.639,520	-1,50
42	604.170,100	1.528.656,230	-1,50
43	604.108,970	1.528.663,860	-1,50
44	604.216,340	1.528.689,160	-1,50
45	604.200,510	1.528.716,630	-1,50

**PHỤ LỤC SỐ 02**  
**KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU DỊCH VỤ TƯ VẤN**  
**Dự án: Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư**  
**và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân,**  
**xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020*  
*của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT, gói thầu Tư vấn lập Thiết kế bản vẽ thi công và Dự toán	2.000	Vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2016–2020 và giai đoạn 2021–2025	Tự thực hiện	Thỏa thuận giao việc	Tháng 12/2020	Trọn gói	60 ngày
2	Tư vấn lập Thiết kế bản vẽ thi công và Dự toán	902.378		Đấu thầu rộng rãi qua mạng	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Tháng 12/2020	Trọn gói	50 ngày
3	Tư vấn khảo sát, lập Phương án kỹ thuật thi công và Dự toán Rà phá bom mìn, vật nổ	50.296		Chỉ định thầu	Thương thảo hợp đồng	Tháng 12/2020	Trọn gói	30 ngày
<b>Tổng cộng giá trị các gói thầu: 954.674.000 đồng</b> <i>(Chín trăm năm mươi bốn triệu, sáu trăm bảy mươi bốn nghìn đồng)</i>								